TOÀ ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 8 – HẢI PHÒNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 79/2026/HNGĐ-ST
Ngày: 31/3/2026
V/v tranh chấp:"Ly hôn, nuôi con chung"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 8 – HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Trần Thị Nhan .

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Bích Nga, bà Phạm Thị Lan

Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Nguyễn Hoàng Phương – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 8 – Hải Phòng.

Ngày 31 tháng 3 năm 2026, tại trụ sở, Toà án nhân dân khu vực 8 – Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 95/2026/TLST- HNGĐ ngày 28 tháng 01 năm 2026 về tranh chấp: "Ly hôn, nuôi con chung" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 64/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 16/3/2026, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn**: Chị Tăng Thị Bích P, sinh ngày 22/4/1997; CCCD số 030197010801; ĐKHKTT: Tổ dân phố Đ, phường T, thành phố Hải Phòng; Hiện ở: Nhật Bản. Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp và người đại diện theo uỷ quyền cho cho chị P: Ông Nguyễn Thanh H – Luật sư văn phòng L; Địa chỉ: Số B, khu A, phường T, thành phố Hải Phòng. Vắng mặt.

- **Bị đơn**: Anh Phan Văn T, sinh ngày 10/11/1992; CCCD số 030092005657; ĐKHKTT và cư trú: Tổ dân phố Đ, phường T, thành phố Hải Phòng. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn, bản tự khai nguyên đơn chị Tăng Thị Bích P trình bày: Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Phan Văn T được tự do tìm hiểu nhau một thời gian thì cưới, có đăng ký kết hôn tại UBND xã G, huyện G, tỉnh Hải Dương (nay là phường T, thành phố Hải Phòng) ngày 28/4/2014. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian vì điều kiện kinh tế nên năm 2024 chị đã xuất cảnh lao động tại Nhật Bản. Từ thời điểm đó chị và anh T không chung sống với nhau, không quan tâm chia sẻ và chỉ trao đổi về vấn đề con chung. Cũng từ thời gian đó đến nay, vợ chồng đã sống ly thân, mỗi người một nơi, không còn

quan tâm nhau. Mặc dù gia đình hai bên đã khuyên giải, động viên nhưng tình cảm vợ chồng vẫn không được cải thiện. Đến nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh T. Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Phan Nhật M, sinh ngày 03/10/2013 và cháu Phan Nhật T1, sinh ngày 13/04/2016. Hiện hai con đang ở cùng anh T. Do vậy, khi ly hôn đề nghị giao cho anh T nuôi dưỡng cả hai con chung, chị tự nguyện cấp dưỡng nuôi con 1.500.000đ/tháng/1 con. Trường hợp anh T yêu cầu cấp dưỡng nhiều hơn, đề nghị giải quyết vấn đề cấp dưỡng theo quy định của pháp luật. Vợ chồng tự thoả thuận về tài sản chung, không có nợ chung, công sức đóng góp cho gia đình hai bên nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Chị P và ông H xin vắng mặt tại phiên tòa.

Tại bản tự khai, bị đơn anh Phan Văn T trình bày: Về thời gian và điều kiện kết hôn thống nhất như chị P trình bày. Sau khi kết hôn chung sống hạnh phúc một thời gian đến khi chị P đi làm ăn xa nên tình cảm vợ chồng không còn. Chị P xin ly hôn, anh đồng ý; Vợ chồng có 02 con chung thống nhất như chị P trình bày, chị P đề nghị giao cả hai con cho anh chăm sóc, nuôi dưỡng và tự nguyện cấp dưỡng nuôi con 1.500.000đ/tháng/1 con, anh đồng ý. Vợ chồng không có tài sản chung. Anh xin vắng mặt tại phiên tòa.

Tại văn bản trình bày của cháu Phan Nhật M và Phan Nhật T1: Hai cháu có nguyện vọng được ở cùng anh T khi bố mẹ ly hôn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra công khai tại phiên toà, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của các đương sự, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Anh T đăng ký hộ khẩu thường trú tại phường P, thành phố Hải Phòng. Do vậy vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân khu vực 8 – Hải Phòng. Các đương sự đều đề nghị xét xử vắng mặt do vậy, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định tại Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025), khoản 1 Điều 4 Nghị quyết số 81/2025/UBTVQH15 ngày 27/6/2025 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị P, anh T được tự do tìm hiểu và có đăng ký kết hôn theo quy định. Do vậy, quan hệ hôn nhân của anh chị là hợp pháp. Lời khai chị P, anh T thể hiện quá trình chung sống vợ chồng hạnh phúc được đến khi chị P đi nước ngoài thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng mỗi người một nơi, không có sự tin tưởng, yêu thương, quan tâm, chăm sóc nhau. Chị P, anh

T đều xác định tình cảm vợ chồng không còn. Do vậy cần xử cho chị P ly hôn anh T là phù hợp quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình.

[2.2] Về con chung: Vợ chồng có hai con chung là Phan Nhật M, sinh ngày 03/10/2013 và cháu Phan Nhật T1, sinh ngày 13/04/2016. Hiện nay, anh T là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung. Chị P đề nghị giao cả hai con cho anh T chăm sóc, nuôi dưỡng và chị tự nguyện cấp dưỡng nuôi con 1.500.000đ/tháng/1 con, anh T đồng ý. Hai cháu đều có nguyện vọng được ở cùng bố. Do vậy để đảm bảo sự ổn định cho con chung cần giao cả hai con cho anh T tiếp tục trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Chị P có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con là 1.500.000đ/tháng/1 con cho đến khi các con chung đủ 18 tuổi. Chị P được quyền thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở là phù hợp quy định tại Điều 81, 82, 83, 110, 116, 117 Luật Hôn nhân gia đình.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung, công sức đóng góp cho gia đình hai bên: Chị P, anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết do vậy HĐXX không xem xét giải quyết.

[2.4] Về án phí: Chị P xin ly hôn và có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con nên phải chịu án phí sơ thẩm ly hôn và án phí do có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con theo quy định tại điểm a mục 5, điểm a mục 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Điều 51, Điều 56, 81, 82, 83, 110, 116, 117 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 271, Điều 273, Điều 479 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025); khoản 1 Điều 4 Nghị quyết số 81/2025/UBTVQH15 ngày 27/6/2025 của Ủy ban thường vụ Quốc hội; Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH 13 ngày 25/11/2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Tăng Thị Bích P.

- Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Tăng Thị Bích P ly hôn anh Phan Văn T.

- Về nuôi con chung: Giao cho anh Phan Văn T tiếp tục trực tiếp, chăm sóc, nuôi dưỡng con chung Phan Nhật M, sinh ngày 03/10/2013 và cháu Phan Nhật T1, sinh ngày 13/04/2016. Chị P có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con 1.500.000đ/tháng/1 con cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Chị P có quyền thăm nom, chăm sóc con chung không ai được ngăn cản.

Kể từ ngày anh T có đơn yêu cầu thi hành án có đơn thi hành án đối với khoản tiền trên, nếu chị P chậm trả tiền thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán theo quy định tại Điều 357, Điều 468 BLDS.

2. Về án phí: Buộc chị Tăng Thị Bích P phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm Hôn nhân và gia đình nhưng được đối trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị P đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0001320 ngày 28/01/2026 của Thi hành án dân sự thành phố Hải Phòng. Chị P đã thực hiện xong nghĩa vụ về án phí ly hôn sơ thẩm. Chị P phải chịu 300.000đ án phí do có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

3. Về quyền kháng cáo: Chị Tăng Thị Bích P có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 30 ngày, anh Phan Văn T có quyền kháng cáo 15 ngày ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND khu vực 8 – Hải Phòng;
- Phòng THADS khu vực 8 – Hải Phòng;
- Các đương sự;
- UBND P. Thạch Khôi, Hải Phòng (ĐKKH ngày 28/4/2014);
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thị Nhan